

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN C  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 624/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 27-11-2020  
V/v tranh chấp ly hôn giữa bà P  
với ông T.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Thi.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trương Thị Thu Thủy
2. Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Nguyên Huân – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện C; Ông Võ Văn Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Thành – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 389/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2020 về “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 302/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Huỳnh Thị P, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Mỹ Phước, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phan Văn Bé – Văn phòng Luật sư Châu Đốc thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang; địa chỉ: 1245 Quốc lộ 91, ấp Mỹ Phò, xã Mỹ Đức, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Mỹ Thuận, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, các lần hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Thị P trình bày:*

1. Về hôn nhân: Bà và ông T tìm hiểu, rồi tiến tới hôn nhân năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh An Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng dần về sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông T thường xuyên đánh đập bà nhưng do thương con bà bỏ qua, ông T vẫn không sửa đổi, nhậ về hành hung cha của bà. Nay nhận thấy tình cảm không còn, xin được ly hôn với ông T.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Minh Thiện, sinh ngày 14/10/2018, khi ly thân thì bà nuôi con, nhưng đến ngày 17/7/2020 thì ông T đến nhà bà thăm con rồi bắt con về nuôi luôn cho đến nay. Nay bà yêu cầu được quyền nuôi con chung vì cháu Thiện dưới 36 tháng tuổi cần được sự chăm sóc ân cần của mẹ.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Minh T trình bày tại phiên hòa giải ngày 31/8/2020 như sau:

Về hôn nhân: ông không đánh bà P, ông không có mâu thuẫn với bà P. Ông thừa nhận có mâu thuẫn với cha vợ, cha vợ ngăn cản không cho vợ chồng ông sống chung. Khi vợ chồng ông ly thân cha vợ không tạo điều kiện để ông thăm con nên ngày 17/7/2020 ông bắt con về nuôi cho đến nay, thời gian nuôi con ông có tạo điều kiện để bà P thăm con. Nay ông không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ thương con.

Về con chung: Nếu Tòa án cho ly hôn thì ông yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; bị đơn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án là vi phạm Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Bà P và ông T đăng ký kết hôn đúng theo quy định Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Quá trình giải quyết Tòa án tiến hành hòa giải, động viên đoàn tụ nhưng không thành. Khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử ông T

vắng mặt không lý do, cho thấy ông T đã không còn muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng, bỏ mặc cho bà P tự giải quyết, nên bà P yêu cầu ly hôn là có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P.

+ Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Minh Thiện, sinh ngày 14/10/2018 đang sống với ông T. Bà P yêu cầu được quyền nuôi con chung, ông T cũng yêu cầu được nuôi con chung. Theo quy định tại khoản 1 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, con chung dưới 36 tháng tuổi do mẹ nuôi dưỡng, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cho chị P nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn do mâu thuẫn đã trầm trọng; về con chung đề nghị giao con chung cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng do con chung dưới 36 tháng tuổi và hiện tại ông T không phải là người trực tiếp nuôi con mà ông bà nội mới là người nuôi con, do đó đề nghị giao con chung cho mẹ nuôi là phù hợp pháp luật.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Chứng minh nhân dân của bà P (bản sao); Giấy khai sinh của Thiện (bản sao); Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn của bà P, ông T (bản sao); biên bản xác minh.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự về việc ly hôn, nuôi con, bị đơn có địa chỉ cư trú tại địa bàn huyện C, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định khoản 1 Điều 28, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định pháp luật tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà P và ông T chung sống với nhau, có kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, đời sống chung không hòa hợp, vợ chồng ly thân đã lâu. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng

không thành, Tòa án triệu tập xét xử hai lần nhưng ông T vắng mặt không lý do, bỏ mặc cho bà P tự giải quyết. Thời gian ly thân là thời gian để vợ chồng suy ngẫm và hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, nhưng ông bà đã không hàn gắn được. Ông bà đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà P yêu cầu ly hôn với ông T là có cơ sở, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P.

[2.2] Về con chung: 01 con chung tên Nguyễn Minh Thiện, sinh ngày 14/10/2018, hiện cháu Thiện đang sống chung với ông T. Bà P yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung. Xét yêu cầu của bà P, Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi sinh ra đến thời điểm ly thân cháu Thiện do bà P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, nhưng đến ngày 17/7/2020 ông T mới bắt cháu Thiện về nuôi; hiện cháu Thiện dưới 36 tháng tuổi, nên để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển toàn diện của cháu về thể chất, tinh thần, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Thiện cho bà P được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Ông Nguyễn Minh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Huỳnh Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí bà P đã nộp theo biên lai thu số 0003526 ngày 21 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị P. Bà Huỳnh Thị P được ly hôn ông Nguyễn Minh T.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 203 ngày 17/11/2014 của Ủy ban nhân dân xã M cấp cho bà Huỳnh Thị P và ông Nguyễn Minh T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

- Giao con chung tên Nguyễn Minh Thiện, sinh ngày 14/10/2018 cho bà Huỳnh Thị P trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc ông Nguyễn Minh T phải giao cháu Thiện cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Minh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí: Bà Huỳnh Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí bà P đã nộp theo biên lai thu số 0003526 ngày 21 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

7. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành

án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Hồng Thi**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Chào    Nguyễn Ngọc Đây**

**Lê Thị Hồng Thi**





